

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



TRẦN THỊ KIM HẰNG

**KHẢO SÁT MỨC ĐỘ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN
SỰ TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ BẰNG THUỐC TENOFOVIR
DISOPROXIL FUMARATE Ở BỆNH NHÂN VIÊM GAN B
MẠN TÍNH TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 121 NĂM 2022 – 2023**

ĐỀ ÁN THẠC SĨ DƯỢC HỌC

CẦN THƠ, NĂM 2026

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**



TRẦN THỊ KIM HẰNG

**KHẢO SÁT MỨC ĐỘ VÀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ TUÂN
THỦ ĐIỀU TRỊ BẰNG THUỐC TENOFOVIR DISOPROXIL FUMARATE
Ở BỆNH NHÂN VIÊM GAN B MẠN TÍNH TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 121
NĂM 2022 – 2023**

NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG

MÃ SỐ: 8720205

ĐỀ ÁN THẠC SĨ DƯỢC HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS.DS NGUYỄN VĂN HIỂN**
- 2. PGS.TS. PHẠM HÙNG LỰC**

CẦN THƠ, NĂM 2026

LỜI CẢM ƠN

Trong hành trình hoàn thành đề án này, trong tôi tràn đầy lòng biết ơn sâu sắc đối với Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo sau đại học của Đại học Nam Cần Thơ. Sự ủng hộ và tạo điều kiện từ các thầy cô đã là nguồn động viên không thể thiếu, giúp tôi vượt qua mọi thách thức trong quá trình trao đổi và nghiên cứu. Tôi muốn bày tỏ lòng kính trọng và cảm ơn chân thành đến mọi người, đã kiên nhẫn và hỗ trợ tôi không chỉ bằng lời nói mà còn bằng hành động thiết thực.

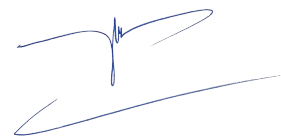
Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. DS. Nguyễn Văn Hiên và PGS.TS Phạm Hùng Lực, hai người thầy đã tận tình hướng dẫn, truyền đạt cho tôi những kiến thức chuyên môn quý báu và luôn là nguồn động viên to lớn trong suốt quá trình tôi thực hiện nghiên cứu này. Sự quan tâm, hướng dẫn tận tâm và những lời khuyên sáng suốt của thầy đã giúp tôi tự tin tiến bước hơn trong quá trình thực hiện đề án này.

Lời cảm ơn chân thành cũng không thể thiếu đến các giảng viên khoa Dược, trường Đại học Nam Cần Thơ. Những bài giảng đầy cảm hứng, sự kiên nhẫn và hỗ trợ tận tình trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của tôi là những điều vô giá. Kiến thức và tinh thần mà tôi đã học hỏi được từ các thầy cô chính là kim chỉ nam cho sự phát triển không chỉ trong học thuật mà còn trong con đường sự nghiệp sau này của tôi.

Cuối cùng, tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến các đồng nghiệp và toàn thể nhân viên khoa Truyền nhiễm - Bệnh viện Quân y 121. Sự giúp đỡ nhiệt tình trong việc thu thập dữ liệu và phân tích thông tin đã là bệ đỡ vững chắc cho tôi trong quá trình nghiên cứu. Những nỗ lực và hỗ trợ của mọi người đã góp phần tạo nên đề án này.

Cần Thơ, ngày 19 tháng 5 năm 2026

Học viên



Trần Thị Kim Hằng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi tên: Trần Thị Kim Hằng, là học viên trình độ Thạc sĩ ngành Dược lý và Dược lâm sàng, khoá 2022 – 2024, tôi xin cam đoan:

1. Toàn bộ nội dung của đề án **“Khảo sát mức độ và các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ điều trị bằng thuốc Tenofovir disoproxil fumarate ở bệnh nhân viêm gan B mạn tính tại Bệnh viện Quân y 121 năm 2022 – 2023”** là kết quả nghiên cứu do chính tôi thực hiện, dưới sự hướng dẫn của TS. DS Nguyễn Văn Hiến và PGS.TS Phạm Hùng Lực.

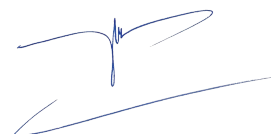
2. Các số liệu, thông tin trong đề án đều được thu thập từ các nguồn hợp pháp và trung thực.

3. Tôi cam đoan không sao chép, trích dẫn hoặc sử dụng bất kỳ phần nào từ các tài liệu khác mà không có trích dẫn nguồn gốc rõ ràng theo đúng quy định. Nếu có bất kỳ sự sai phạm nào về tính trung thực và đạo đức trong nghiên cứu, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường và pháp luật.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Cần Thơ, ngày 19 tháng 5 năm 2026

Tác giả đề án



Trần Thị Kim Hằng

MỤC LỤC

| | |
|--|------------|
| Danh mục các chữ viết tắt | i |
| Danh mục các bảng | iii |
| Danh mục các hình, biểu đồ | iv |
| TÓM TẮT | v |
| ABSTRACT | vi |
| MỞ ĐẦU | vii |
| CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN | 1 |
| 1.1. Tổng quan lý thuyết về Tuân thủ điều trị..... | 1 |
| 1.2. Tổng quan về Viêm gan B và một số nghiên cứu tiêu biểu | 17 |
| CHƯƠNG 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP | 31 |
| 2.1. Đối tượng nghiên cứu..... | 31 |
| 2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu..... | 32 |
| 2.3. Phương pháp nghiên cứu..... | 32 |
| 2.4. Chỉ tiêu nghiên cứu - Biến số nghiên cứu..... | 33 |
| 2.5. Phương pháp xử lý số liệu..... | 36 |
| 2.6. Vấn đề y đức | 38 |
| CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU | 39 |
| 3.1. Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu..... | 39 |
| 3.2. Thực trạng tuân thủ điều trị thuốc kháng virus | 44 |
| 3.3. Các yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị..... | 49 |
| 3.4. Một số đặc điểm khác của nhóm bệnh nhân tham gia nghiên cứu | 52 |
| CHƯƠNG 4. THẢO LUẬN | 53 |
| 4.1. Đặc điểm bệnh nhân nghiên cứu..... | 53 |
| 4.2. Thực trạng tuân thủ điều trị thuốc kháng virus..... | 57 |

| | |
|--|-------------|
| 4.3. Các yếu tố liên quan đến tuân thủ điều trị..... | 63 |
| 4.4. Một số đặc điểm khác của nhóm bệnh nhân tham gia nghiên cứu | 66 |
| KẾT LUẬN | 68 |
| KIẾN NGHỊ | 69 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 70 |
| PHỤ LỤC 1 | viii |
| PHỤ LỤC 2 | ix |
| PHỤ LỤC 3 | xiii |
| PHỤ LỤC 4 | xiv |
| PHỤ LỤC 5 | xv |
| PHỤ LỤC 6 | xvi |
| PHỤ LỤC 7 | xix |
| PHỤ LỤC 8 | xxiv |

Danh mục các chữ viết tắt

| Chữ viết tắt | Chữ viết đầy đủ | Ý nghĩa |
|--------------|--|--|
| AASLD | American Association for the Study of Liver Diseases | Hiệp hội Nghiên cứu Bệnh Gan Hoa Kỳ |
| ADV | Adefovir dipivoxil | |
| AE | Adverse Events | Biến cố bất lợi |
| ALT | Alanine aminotransferase | Men gan ALT |
| AST | Aspartate aminotransferase | Men gan AST |
| BVQY | | Bệnh viện Quân Y |
| EASL | European Association for the Study of the Liver | Hiệp hội Nghiên cứu Bệnh Gan Châu Âu |
| ETV | Entecavir | |
| HBeAg | Hepatitis B e-antigen | Kháng nguyên e của virus viêm gan B |
| HBsAg | Hepatitis B surface antigen | Kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B |
| HBV | Hepatitis B Virus | Virus viêm gan B |
| HCC | Hepatocellular carcinoma | Ung thư biểu mô tế bào gan |
| HCV | Hepatitis C virus | Virus viêm gan C |
| LAM | Lamivudin | |
| MMAS-8 | Morisky Medication Adherence Scale-8 | Thang đo tuân thủ dùng thuốc Morisky-8 |
| NUC | Nucleos(t)ide analogues | Thuốc kháng virus |
| NVYT | | Nhân viên y tế |
| OR | Odds Ratio | Tỷ suất chênh |
| TAF | Tenofovir alafenamide | |

| Chữ viết tắt | Chữ viết đầy đủ | Ý nghĩa |
|---------------------|---|---|
| TBV | Telbivudine | |
| TCYTTGL | | Tổ chức y tế thế giới |
| TDF | Tenofovir disoproxil fumarate | |
| TPCT | | Thành phố Cần Thơ |
| WHO | World Health Organization | Tổ chức y tế thế giới |
| YTNC | | Yếu tố nguy cơ |
| CEAT-VIH | Cuestionario para la Evaluación de la Adhesión al Tratamiento VIH | Bảng câu hỏi cho Đánh giá sự tuân thủ điều trị kháng virus ở những người bị nhiễm HIV và AIDS |
| CEAT-VBH | Cuestionario para la valoración de la Adhesión al Tratamiento VBH | Bảng câu hỏi cho Đánh giá sự tuân thủ điều trị kháng virus ở những người bị nhiễm HIV và AIDS |

Danh mục các bảng

| | |
|--|----|
| Bảng 3.1. Tổng hợp chương bệnh của bệnh nhân nghiên cứu | 42 |
| Bảng 3.2. Phân loại bệnh nhân theo nhóm 2 tuân thủ | 45 |
| Bảng 3.3. Điểm các nhóm câu hỏi trên cả mẫu bệnh nhân nghiên cứu | 46 |
| Bảng 3.4. Điểm số của 4 nhóm câu hỏi trên 2 nhóm bệnh nhân | 47 |
| Bảng 3.5. Ảnh hưởng của một số yếu tố lên sự tuân thủ của bệnh nhân | 50 |
| Bảng 3.6. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến tuân thủ điều trị của bệnh nhân | 51 |

Danh mục các hình, biểu đồ

| | |
|--|----|
| Hình 1.1. Các giai đoạn tiến triển của viêm gan B..... | 19 |
| Hình 1.2. Cấu tạo bộ gen HBV..... | 20 |
| Hình 2.1. Quy trình thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu..... | 35 |
| Biểu đồ 3.1. Đặc điểm tuổi của bệnh nhân nghiên cứu | 39 |
| Biểu đồ 3.2. Đặc điểm nghề nghiệp của bệnh nhân nghiên cứu..... | 40 |
| Biểu đồ 3.3. Đặc điểm giới tính của bệnh nhân nghiên cứu..... | 41 |

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Viêm gan virus B mạn là vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng trên toàn thế giới và tại Việt Nam. Việc tuân thủ điều trị là yếu tố sống còn để ngăn ngừa biến chứng xơ gan và ung thư gan. Tuy nhiên, thực trạng tuân thủ ở bệnh nhân ngoại trú vẫn còn đặt ra nhiều thách thức. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu này đánh giá mức độ tuân thủ điều trị và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng thuốc Tenofovir disoproxil fumarate (TDF) ở bệnh nhân viêm gan B mạn tính tại Bệnh viện Quân y 121. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện kết hợp hồi cứu và tiền cứu, sử dụng bộ câu hỏi tiêu chuẩn hóa để thu thập dữ liệu từ bệnh nhân. **Kết quả và kết luận:** Kết quả cho thấy tỷ lệ tuân thủ điều trị đạt mức trung bình, với một số bệnh nhân gặp khó khăn trong việc duy trì điều trị do nhận thức hạn chế về bệnh, tác dụng phụ của thuốc, chi phí điều trị, và mức độ hỗ trợ từ hệ thống y tế. Ngoài ra, các yếu tố như độ tuổi, thời gian mắc bệnh và tình trạng kinh tế cũng được xác định là ảnh hưởng đáng kể đến mức độ tuân thủ. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần làm rõ các thách thức trong điều trị bệnh viêm gan B mạn tính mà còn cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng các can thiệp phù hợp, tập trung vào nâng cao nhận thức, hỗ trợ tài chính, và cải thiện chất lượng dịch vụ y tế. Việc triển khai các giải pháp này được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả điều trị và cải thiện chất lượng cuộc sống của bệnh nhân.

ABSTRACT

Introduction: Chronic hepatitis B is a serious public health issue worldwide and particularly in Vietnam. Treatment adherence is a vital factor in preventing complications such as cirrhosis and liver cancer. However, the current state of adherence among outpatients remains a significant challenge. **Study Objectives:** This study evaluates the adherence level and factors influencing the use of Tenofovir disoproxil fumarate (TDF) among chronic hepatitis B patients at Military Hospital 121. **Subjects and Methods:** The research employs a combination of retrospective and prospective approaches, using standardized questionnaires (CEAT-VBH) to collect data from patients. **Results and Conclusion:** The results indicate a moderate adherence rate. Some patients face difficulties in maintaining treatment due to limited disease awareness, drug side effects, treatment costs, and insufficient healthcare support. Additionally, factors such as age, disease duration, and economic status were identified as having a significant influence on adherence levels. These findings not only clarify the challenges in managing chronic hepatitis B but also provide a scientific basis for developing targeted interventions. Such measures should focus on raising awareness, providing financial support, and improving the quality of healthcare services. Implementing these solutions is expected to enhance treatment outcomes and improve the quality of life for patients.

MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh viêm gan virus B mạn ngày càng trở thành một trong những vấn đề sức khỏe cộng đồng nghiêm trọng trên toàn thế giới và đặc biệt tại Việt Nam, nơi tỷ lệ nhiễm HBV đáng báo động, việc tuân thủ điều trị bằng thuốc kháng virus, cụ thể là Tenofovir disoproxil fumarate (TDF)¹, dưới sự hướng dẫn của Bộ Y tế, nổi lên như một yếu tố quan trọng trong việc cải thiện kết quả điều trị cho bệnh nhân. Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) ước tính rằng hàng năm có tới 350 triệu người trên thế giới mắc viêm gan B, với khoảng 1 triệu người tử vong liên quan đến bệnh.² Điều này đặt ra một gánh nặng lớn cho hệ thống y tế và xã hội, đòi hỏi sự nghiên cứu và đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả của các phương pháp điều trị.

Theo các báo cáo dịch tễ học, sự lây nhiễm HBV vẫn là nguyên nhân hàng đầu gây ra xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan (HCC) trên toàn cầu, đặc biệt với tỷ lệ lưu hành đáng báo động tại các nước đang phát triển.^{3,4} Bất chấp nỗ lực của các chương trình tiêm chủng, gánh nặng bệnh tật và tỷ lệ tử vong liên quan đến các biến chứng gan mạn tính vẫn tiếp tục tăng cao, đặt ra thách thức lớn cho y tế công cộng.^{5,6} Do đó, việc kiểm soát diễn tiến bệnh thông qua các liệu pháp kháng virus dài hạn là chiến lược sống còn.⁷

Tại Việt Nam, vấn đề này không phải là ngoại lệ. Tỷ lệ dân số mang virus là 12-20%, làm tăng tính cấp thiết trong việc tìm hiểu về sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân.⁸ Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá mức độ tuân thủ điều trị và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc này tại Bệnh viện Quân y 121, một trong những cơ sở y tế hàng đầu có kinh nghiệm lâu năm trong việc điều trị viêm gan B, đặc biệt là trong điều trị ngoại trú. Việc nghiên cứu và đánh giá hiệu quả của các phác đồ điều trị trở nên quan trọng để cung cấp thông tin chính xác và hữu ích cho quá trình quản lý bệnh nhân.

Tuy nhiên, các nghiên cứu cho thấy hiệu quả của thuốc điều trị viêm gan B ở bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Quân y 121 chưa được nghiên cứu một cách toàn diện. Trong nỗ lực đánh giá hiệu quả của các thuốc điều trị viêm gan B, việc phân tích các phác đồ điều trị phổ biến trở nên quan trọng. Việc tập trung vào

tác động của các loại thuốc đối với các chỉ số sinh hóa và lâm sàng cũng là bước quan trọng. Các thuốc như entecavir, tenofovir, và interferon thường được sử dụng và cần được đánh giá kỹ lưỡng về hiệu quả và an toàn trong điều trị ngoại trú.

Bất chấp tiến bộ trong điều trị, sự tuân thủ vẫn là một thách thức lớn, ảnh hưởng đến kết quả điều trị. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự tuân thủ điều trị là đa dạng và phức tạp, bao gồm nhưng không giới hạn ở nhận thức của bệnh nhân, chi phí điều trị, tác dụng phụ của thuốc và hỗ trợ từ hệ thống y tế. Do đó, việc khảo sát và phân tích sâu rộng về mức độ và các yếu tố ảnh hưởng tới sự tuân thủ điều trị trở thành một nhu cầu cấp thiết.

Mục tiêu của nghiên cứu này bao gồm:

Mục tiêu 1: Xác định tỷ lệ và mức độ tuân thủ điều trị của bệnh nhân viêm gan B mạn tính điều trị bằng thuốc Tenofovir Disoproxil Fumarate ở Bệnh viện Quân y 121, năm 2022 – 2023.

Mục tiêu 2: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân viêm gan B mạn tính điều trị bằng thuốc Tenofovir Disoproxil Fumarate ở Bệnh Viện Quân y 121, năm 2022 – 2023.

Nghiên cứu này không chỉ đóng góp vào việc nâng cao chất lượng điều trị bệnh viêm gan B mà còn là một bước tiến quan trọng trong lĩnh vực y học, giúp làm rõ hơn về cách thức điều trị và áp dụng chúng một cách hiệu quả nhất. Tác giả hy vọng rằng nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin cần thiết để nâng cao chất lượng điều trị cho bệnh nhân viêm gan virus B mạn tại Bệnh viện Quân y 121, đồng thời góp phần vào việc phát triển chiến lược và chính sách y tế hiệu quả hơn trong quản lý và điều trị bệnh.